

# CHỮ QUỐC NGŨ

Những điểm căn bản

Cách dạy đọc • Cách dạy viết • Cách “thi đánh vần”

(Quyên Di)

## CĂN BẢN HÁN TỰ

**Hán tự:** Hình vẽ, biến thành nét chữ.

Vẽ theo hình dạng, vẽ để diễn tả ý nghĩa.

Có nhiều tiếng đồng âm nhưng khác nghĩa, được vẽ (viết) khác nhau.

Nhật	Mặt Trăng	Mộc	Nhật	Bản
日	月	木	日	本
Điền	Khẩu	Phẩm	Lâm	
田	口	品	林	

## CĂN BẢN CHỮ QUỐC NGŨ

**Chữ Quốc Ngữ:** Một hệ thống kí âm.

Dùng các mẫu tự La Tinh để kí âm tiếng nói.

Những tiếng đồng âm nhưng khác nghĩa vẫn được kí âm giống nhau.

• MINH: sáng 明

MINH: tối 冥

MINH: hiệp nhất, liên kết 盟

MINH: tiếng chim kêu

(tất cả đều viết MINH giống nhau)

## MẪU ÂM – MẪU TỰ

- **Mẫu âm:** những âm chính của một ngôn ngữ.
- **Mẫu tự:** những chữ cái được dùng như những kí hiệu để ghi lại các mẫu âm.
- **28 mẫu âm tiếng Việt:** A, BỜ, CỜ, CHỜ, DỜ, ĐỜ, E, GỜ, GIỜ, HỜ, I, KHỜ, LỜ, MỜ, NỜ, NGỜ, NHỜ, O, PHỜ, QUỜ, RỜ, SỜ, TỜ, THỜ, TRỜ, U, VỜ, XỜ.
- **23 mẫu tự chữ Quốc Ngữ:** A, B, C, D, Đ, E, G, H, I, K, L, M, N, O, P, Q, R, S, T, U, V, X, (Y).
- **Bảng mẫu tự đầy đủ** (29 chữ cái): A Æ Á B C D Đ E Ê G H I K L M N O Ô Ớ P Q R S T U Ú V X Y.
- Phân biệt giữa **ÂM** và **TỰ** (TIẾNG và CHỮ): “Letter name” vs. “Letter sound”.

## GHI CHÚ VỀ I và Y

- **Chữ Y trong bảng mẫu tự**  
Không được dùng để ghi lại âm nào.
- **Chữ I và chữ Y.**  
Theo thói quen, dùng Y để ghi lại những âm I, Í, Ỉ khi đứng một mình.  
Theo thói quen, dùng Y để ghi lại âm I, sau các âm HỜ (H), CỜ (K), LỜ (L), TỜ (T), MỜ (M).
- Theo **nguyên tắc kí âm, âm phát ra giống nhau thì kí âm giống nhau** (kí-lô, kí tên, kí đầu, kí ức, v.v...) nhưng cũng phải chấp nhận thói quen (ký tên, ký ức...)

- **A, AI, AY** và **I, UI, UY** là những vần khác nhau và được kí âm khác nhau. **THÚY** không đổi ra **THÚI** được.

### NGUYÊN ÂM

- **NGUYÊN ÂM** là những âm mà tự nó phát thành tiếng, không cần âm khác phụ vào.
- Tiếng Việt có các nguyên âm:
  - A (thêm **Ă** - đọc là **Á**, thêm **Â** - đọc là **Ố**),
  - E (thêm **Ê**),
  - I (**Y**),
  - O (thêm **Ô, Ơ**),
  - U (thêm **U**).
- Bảng nguyên âm, viết theo thứ tự quen dùng là: **A, Ă, Â, E, Ê, I, O, Ô, Ơ, U, Ư, Y**.

### NGUYÊN ÂM KÉP

- Ngoài các nguyên âm đơn (một âm), tiếng Việt còn có các nguyên âm kép (hai hay ba nguyên âm dính liền lại với nhau).
- Các nguyên âm kép trong tiếng Việt là:  
**AI, AY, AO, AU, ÂU, EO, ÊU, IA, IU, OA, OE, OEO, OI, ÔI, ƠI, UA, UÊ, UI, UY, UYA, UYU, UÔI, UƠ, ƯA, ƯI, ƯƠI, ƯƠU, ƯU, YÊU**.
- Ngoài ra, vì nhu cầu ghi lại nguyên âm **O** kéo dài và nguyên âm **Ô** kéo dài, tiếng Việt có hai nguyên âm kép **OO** và **ÔÔ**.

### PHỤ ÂM

- **PHỤ ÂM** là những âm mà tự nó không phát thành tiếng được, cần phải có một nguyên âm đi kèm.
- **PHỤ ÂM ĐƠN** gồm có: **BỜ (B), CỜ (C và K), DỜ (D), ĐỜ (D), GỜ (G), HỜ (H), LỜ (L), MỜ (M), NỜ (N), PỜ (P), RỜ (R), SỜ (S), TỜ (T), VỜ (V), XỜ (X)**.
- **PHỤ ÂM CHỮ KÉP** gồm có: **CHỜ (CH), GỜ (G, GH), GIỜ (GI), KHỜ (KH), NGỜ (NG, NGH), NHỜ (NH), PHỜ (PH), QUỜ (QU), TH (THỜ)**.
- Phân biệt “blend” và “digraph”.

### VÀI PHỤ ÂM CHỮ ĐẶC BIỆT

- **Phụ âm CỜ** được kí âm bằng hai cách:
  1. Khi phụ âm này ghép với những vần khởi đầu bằng âm **I, E** và **Ê**, nó được kí âm bằng chữ **K**.  
Thí dụ: **KÍ, KÉM, KÊU... (I, E, Ê mé chữ K)**.
  2. Khi phụ âm này ghép với những vần khởi đầu bằng các âm khác, nó được kí âm bằng chữ **C**.  
Thí dụ: **CÁ, CUÔNG, CÔM... (I, E, Ê chē chữ C)**.
- **Phụ âm CỜ** cũng không ghép với những vần khởi đầu bằng âm **OA**. Những vần này chỉ ghép với phụ âm **QUỜ** (sẽ nói tới ở bên dưới).
- **Phụ âm GỜ** và **phụ âm NGỜ**: bình thường được kí âm là **G** và **NG**; nhưng khi ghép với các vần khởi đầu bằng âm **I, E** và **Ê** thì lúc viết phải **thêm chữ H** vào.  
Thí dụ: **ghe, ghi, ghê, ghép, ghét; nghi, nghe, nghề, nghiệp v.v...** (**I, E, Ê chē NG; I, E, Ê mé NGH**)

- **Phụ âm GIỜ** được ghi bằng kí hiệu GI. Khi phụ âm này ghép với những vần khởi đầu bằng âm I (như IÊNG) thì khi viết, người ta **lược bỏ đi một chữ I** (GI + IÊNG = GIÊNG).
- **Phụ âm PỜ** (kí âm bằng chữ P) trong tiếng Việt không bao giờ đứng ở đầu một tiếng.
- **Chữ Q** (đọc là CU) không được dùng để ghi lại phụ âm nào. Q (CU) rất vô dụng nếu chỉ có một mình!
- **Phụ âm QUỜ** được ghi lại bằng kí hiệu QU.
- **Phụ âm QUỜ** (viết là QU) chỉ kết hợp với những vần **khởi đầu** bằng âm U và âm O. Khi viết, người ta lược bỏ chữ U hay chữ O của vần ấy đi.  
(Thí dụ: QU+ÚY = QUÝ; QU+ OANH = QUANH)

## THANH

- **THANH** là độ cao thấp của một tiếng. Tiếng Việt có **6 thanh**, được biểu thị bằng **5 thanh có dấu lập thanh** và **1 thanh không dấu lập thanh** (thanh ngang). **5 dấu lập thanh** là **HUYỀN, SẮC, HỎI, NGÃ, NẶNG**.
- **THANH NGANG** (là thanh không mang dấu) và thanh mang **dấu HUYỀN** là các **THANH BẰNG** (kéo dài và êm tai).
- Các thanh mang các **dấu SẮC, HỎI, NGÃ, NẶNG** là **THANH TRẮC** (ngắn và mạnh).
- Thí dụ: Tiếng **VÂN** - Ta có thanh **BẰNG**: **VÂN, VÂN**; thanh **TRẮC**: **VÂN, VÂN, VÂN, VÂN**.

## BẢNG THANH ĐỘ



## VẦN

- **VẦN** là các nhóm tập hợp của **NGUYÊN ÂM ĐƠN** hoặc **NGUYÊN ÂM KÉP**, có khi đứng một mình, có khi đứng với một **PHỤ ÂM** đằng sau nó. **VẦN** được dùng để kết hợp với các **PHỤ ÂM** đứng đằng trước nó, tạo thành các **TIẾNG**. Thí dụ: U+NG = vần UNG; C+UNG = tiếng CUNG; tiếng CUNG có nhiều **THANH** cao thấp khác nhau, tạo nên nhiều tiếng: CUNG, CÙNG, CÚNG, CÙNG, CỪNG, CỤNG.
- Khi những **TIẾNG** có cùng **VẦN** (rhyme) và cùng **THANH**, ta nói chúng **VẦN VỚI NHAU**. Thí dụ: CUNG vần với CÙNG; CÚNG vần với CÙNG, CỪNG, CỤNG.

## CÁC VẦN THÔNG DỤNG

Các vần thông dụng trong tiếng Việt được chia thành những nhóm như sau:

- **LÀ MỘT NGUYÊN ÂM**: Mỗi nguyên âm tự động trở thành **VẦN**, trừ các nguyên âm Ẫ và Ậ. Ta có các vần bản chất là nguyên âm là: A, E, Ê, I (Y), O, Ô, Ơ, U, Ư.
- **LÀ MỘT NGUYÊN ÂM KÉP**: Ta có các vần bản chất vốn là các nguyên âm kép: AI, AY, AO, AU, ẬU, ÊU, EO, OA, IA, IU, OE, OI, ÔI, ƠI, UA, UÊ, UI, UY, ƯƠ, ƯA, ƯU, YÊU.

- **NGUYÊN ÂM + PHỤ ÂM:** AC, AM, AN, AP, AT, ẮC, ẪM, ẪN, ẮP, ẮT, ẮC, ẮM, ẮN, ẮP, ẮT, EC, EM, EN, EP, ET, ÊM, ÊN, ÊP, ÊT, IM, IN, IP, IT, OC, OM, ON, OP, OT, ÔC, ÔM, ÔN, ÔP, ÔP, ỚT, UC, UM, UN, ÔT, ƠM, ƠN, ỚP, ỚT, UC, UM, UN, UP, UT, ỨC, ỪM, ỪN, ỨT.
- **NGUYÊN ÂM + PHỤ ÂM CHỮ KÉP:** ACH, ANG, ANH, ẪNG, ẮNG, ENG, ÊNH, ICH, INH, ONG, ỜNG, UNG, ỪNG.
- **NGUYÊN ÂM KÉP + PHỤ ÂM:** OAC, OAN, OAT, OẮC, OẮM, OẮN, OẮP, OẮT, IÊC, IÊM, IÊN, IÊP, IÊT, OEN, OET, UÂN, UẬT, UYN, UYP, UYT, UÔC, UÔM, UÔN, UÔT, ƯỚC, ƯỚM, ƯỚN, ƯỚP, ƯỚT, UYÊN, UYẾT.
- **NGUYÊN ÂM KÉP + PHỤ ÂM CHỮ KÉP:** IÊNG, OACH, OANG, OANH, OẮNG, OENG, OONG, ÔÔNG, UYNH, UÔNG, ƯÔNG.

### GHI CHÚ VỀ VẦN

- Hai nguyên âm Ẫ và Ắ không tự động là vần được, cần phải kèm theo một phụ âm cuối mới thành vần.  
(Thí dụ: ẮC, ẮNG...)
- Những nguyên âm Ẫ và Ắ và các vần có phụ âm cuối là **C, CH, P, T**, khi đọc lên sẽ tự động mang thanh sắc. (Thí dụ: vần ẮC đọc là ẮC; vần UT đọc là ỨT; vần IP đọc là ỈP).  
Những vần này cũng chỉ có hai thanh, dùng hai dấu SẮC và NẶNG thôi.

### CÁCH ĐỌC CHỮ QUỐC NGỮ

- Cách 1: **Ghép chữ cái**  
tê e-rờ ư trư ơ trờ en giê trương huyền **trường**
- Cách 2: **Ráp vần ngược**  
ư ơ ngờ ương - trờ ương trường huyền **trường**
- Cách 3: **Ráp vần xuôi**  
trờ (TR) ương (ƯÔNG) trương huyền **trường**
- Cách 4: **Đọc tự nhiên**, không qua bước ghép chữ hay ráp vần
- Cách nên chọn: **Ráp vần xuôi phối hợp với đọc tự nhiên**

### PHÂN TÍCH MỘT TIẾNG QUA KÍ HIỆU (CHỮ)

- Một tiếng (nếu đầy đủ thành phần) có ba thành phần:  
1. Âm đầu      2. Vần      3. Thanh (có/không có  
dấu lập thanh)
- Một tiếng có ít nhất hai thành phần: vần và thanh
- Cách xác định âm đầu và vần của tiếng: tìm ra chữ cái ghi nguyên âm đầu tiên. Từ chữ cái ấy cho đến hết chữ là vần, trước chữ cái ấy trở về trước là âm đầu.  
TRƯỜNG: chữ cái đầu tiên là Ư – ƯÔNG là vần; TR (TRỒ) là âm đầu.
- Ráp ba thành phần lại thì phát âm được tiếng ấy: **trờ ương trương huyền trường**.

### ÁP DỤNG CÁCH PHỐI HỢP “RÁP VẦN XUÔI” VỚI “ĐỌC TỰ NHIÊN”

- Dạy học sinh đọc những bài thơ ngắn, chữ cuối mỗi câu thơ là chữ có vần. Đọc từng câu và tập ráp vần chữ cuối.
- Phương pháp “lái nhái” giúp học sinh đọc được những chữ có vần.

- Vì bài thơ có vần điệu, dễ thuộc, dễ nhớ nên học sinh **đọc được cả những chữ không có vần** trong bài thơ.

### **THỰC TẬP VẦN “ĂM”**

Hôm nay đúng ngày **rằm**  
 Cô chú em về **thăm**  
 Cô em người tươi **thắm**  
 Chú em da **ngăm ngăm**  
 Cả nhà vui mừng **lắm**  
 Xa cách đã bao **năm!**

### **THỰC TẬP VẦN “ÂM”**

Cổ đã bày lên **mâm**  
 Nhà thơm ngát hương **trâm**  
 Mẹ em mặc áo **gấm**  
 Đàng cầu khăn ri **râm**  
 Bố em ngồi suy **gẫm**  
 Đáng lặng lẽ **trâm ngâm**.

### **THI “ĐÁNH VẦN”**

#### **Gọi sao cho đúng?**

- Chính ra ráp các thành phần của chữ để đọc lên được chữ ấy, nên gọi là “**ráp vần**” hay “**đánh vần**,” Anh ngữ gọi là “**sounding**”.
- Nghe đọc lên một âm, cho biết âm ấy khi được viết xuống thì phải dùng những chữ cái và những thanh nào, nên gọi là “**ghép chữ**,” tiếng Anh là “**spelling**.”
- Thực tế, chúng ta quen gọi thi “**ghép chữ**” (cuộc thi tương tự như “**spelling bee**” của học sinh Mỹ) là thi “**đánh vần**.”
- Thi “**đánh vần**” (chính ra là “**ghép chữ**”) mô phỏng hình thức thi “**spelling bee**” nên cách “**ghép chữ**” cũng cần theo phương thức “**spelling bee**”: thí sinh “**ghép chữ**” bằng cách xướng tên các mẫu tự (letters) lên, từ mẫu tự đầu đến mẫu tự cuối của từ đó, nếu từ ấy có dấu thanh thì xướng tên dấu thanh sau cùng.
- **Hai điều cần phải lưu ý:**
  - Người điều khiển **PHẢI** phát âm thật rõ “từ” người ấy muốn thí sinh “**ghép chữ**”. Thí dụ: **TRƯỜNG** thì phải phát âm là **TRƯỜNG**, đừng phát âm là **CHƯỜNG**.
  - Thầy/Cô giáo và phụ huynh **PHẢI** giúp các học sinh và con em học **THUỘC TÊN** và **ĐỌC TÊN** một cách **CHÍNH XÁC** các **MẪU TỰ (CHỮ CÁI)**